

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAO LÃNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 19/4/2022

*“V/v Tranh chấp HNGĐ - Ly
hôn và nuôi con”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Đô.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phan Quốc Tiến;

2. Bà Nguyễn Thị Phụng;

- Thư ký phiên tòa: Bà Đào Kim Xoa – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 19 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 32/2022/TLST-HNGĐ, ngày 14 tháng 02 năm 2022 về *“Tranh chấp hôn nhân gia đình - Ly hôn và nuôi con”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 08 tháng 3 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 67/2022/QĐST-HNGĐ, ngày 25 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Đặng Thị Ngọc H, sinh năm 1982.

Bị đơn: Võ Quốc T, sinh năm 1979.

Địa chỉ: ấp A, xã M, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

(Anh T vắng mặt tại phiên tòa; Chị H có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 26/10/2021, chị Đặng Thị Ngọc H là nguyên đơn trình bày:

- Về hôn nhân: Chị Đặng Thị Ngọc H và anh Võ Quốc T tiến đến hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện Cao Lãnh ngày 13/11/2002.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Nhưng thời gian sau vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh T thường xuyên nhậu nhẹt,

không quan tâm, chăm sóc vợ con và thường xuyên đánh chị H. Chị H nhận thấy tình cảm không còn nên cuối năm 2021, chị H về nhà cha mẹ ruột sinh sống cho đến nay. Trong thời gian xa nhau, chị H và anh T không ai có ý hàn gắn tình cảm. Nay chị Đặng Thị Ngọc H nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, nên chị H yêu cầu ly hôn với anh Võ Quốc T.

- Về nuôi con và cấp dưỡng: Chị H và anh T có 03 con chung, tên là Võ Duy T, sinh ngày 03/9/2002; Võ Quốc N, sinh ngày 19/3/2004 và Võ Ngọc Mỹ I, sinh ngày 21/6/2012. Hiện nay các con chung đang sống cùng chị H.

Khi ly hôn, chị H yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Võ Ngọc Mỹ I, yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con Nguyễn Ngọc Mỹ I với số tiền 500.000 đồng/tháng.

Riêng 02 con chung tên Võ Duy T và Võ Quốc N đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về chia tài sản khi ly hôn: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Võ Quốc T: Đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng và giấy triệu tập nhưng vắng mặt không lý do trong suốt quá trình tố tụng và tại phiên tòa. Đồng thời, anh T cũng không có văn bản ghi ý kiến gửi nộp Tòa án, cũng không phản đối yêu cầu khởi kiện và các tài liệu của nguyên đơn.

Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn đã cung cấp các tài liệu, chứng cứ như sau:

1. Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn giữa Võ Quốc T với Đặng Thị Ngọc H;
2. Bản sao giấy khai sinh Võ Duy T;
3. Bản sao giấy khai sinh Võ Ngọc Mỹ I;
4. Bản sao giấy khai sinh Võ Quốc N;
5. Đơn xin xác nhận nơi cư trú Võ Quốc T;

Các tài liệu trong hồ sơ đương sự thống nhất theo biên bản phiên họp công khai và tiếp cận chứng cứ ngày 08/3/2022 và đã thông báo cho đương sự vắng mặt được biết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật, xét thấy: Chị Đặng Thị Ngọc H có đơn yêu cầu ly hôn với anh Võ Quốc T. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự thì quan hệ pháp luật trong vụ án là “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình - Ly hôn và nuôi con*”.

[2] Về thẩm quyền giải quyết, xét thấy: Bị đơn anh Võ Quốc T đang cư trú tại ấp A, xã M, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. Căn cứ vào khoản 1 Điều 35 và

khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì thẩm quyền giải quyết Hội Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

[3] Anh Võ Quốc T đã được triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không lý do. Chị Đặng Thị Ngọc H có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị H và anh T.

Về nội dung:

[4] Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh T tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2002 và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện Cao Lãnh ngày 13/11/2002 nên xác định đây là hôn nhân hợp pháp. Chị H yêu cầu ly hôn; Hội đồng xét xử xét thấy: Trong thời gian chung sống, chị H và anh T phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng với nhau về quan điểm sống. Chị H và anh T không còn chung sống với nhau từ cuối năm 2021 đến nay, nhưng hai bên cũng không có hành động hay đưa ra biện pháp nào hàn gắn tình cảm vợ chồng, không thuyết phục được để tiếp tục sống chung để xây dựng hạnh phúc gia đình.

Đối với bị đơn là anh T đã được thông báo thụ lý vụ án và được triệu tập xét xử hợp lệ nhưng không có văn bản ý kiến không có mặt tại phiên tòa sơ thẩm.

Từ những căn cứ nêu trên đủ cơ sở để xác định hôn nhân giữa chị H và anh T đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của chị H.

[4] Về nuôi con: Chị H và anh T có 03 con chung tên Võ Duy Tân, sinh ngày 03/9/2002, Võ Quốc Tiến, sinh ngày 19/3/2004 và Võ Ngọc Mỹ Tiên, sinh ngày 21/6/2012. Hiện nay, các con chung đang sống cùng chị H.

Khi ly hôn, các con chung tên Võ Duy T và Võ Quốc N đã trưởng thành, chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét.

Chị H yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Võ Ngọc Mỹ I. Xét thấy, hiện nay cháu I đang chung sống với chị H ổn định, việc thay đổi người nuôi con sẽ làm ảnh hưởng tâm lý và sự phát triển con chung. Hơn nữa cháu I có nguyện vọng tiếp tục sống với chị H. Phía anh T không có ý kiến về việc nuôi con. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy việc chị H yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung tên Võ Ngọc Mỹ I sau khi ly hôn là phù hợp về quyền lợi mọi mặt của cháu I theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên chấp nhận yêu cầu của chị H.

Anh T không trực tiếp nuôi con chung nên có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị H được tiếp tục nuôi con tên Võ Ngọc Mỹ I sau khi ly hôn nên có quyền yêu cầu anh T cấp dưỡng. Căn cứ Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình thì yêu cầu của chị H là có cơ sở.

Về mức cấp dưỡng nuôi con: Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết chị H yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi cháu I với số tiền là 500.000 đồng/tháng. Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 4/2022 đến khi cháu I đủ 18 tuổi. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu về mức cấp dưỡng của chị H là phù hợp nên được chấp nhận.

[6] Về chia tài sản khi ly hôn: Chị H trình bày tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về nợ chung: Chị H trình bày không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ điểm a, khoản 5 và khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thì chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị H đã nộp theo biên lai H tiền số 0007209 ngày 11/02/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh. Anh T phải nộp 300.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điều khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Điểm a, khoản 5 và khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016.

1. Chấp nhận yêu cầu của chị Đặng Thị Ngọc H.

1.1. Về hôn nhân: Chị Đặng Thị Ngọc H được ly hôn với anh Võ Quốc T.

1.2. Về nuôi con và cấp dưỡng: Chị Đặng Thị Ngọc H được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Võ Ngọc Mỹ I, sinh ngày 21/6/2012. Anh Võ Quốc T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu I hàng tháng số tiền 500.000 (Năm trăm nghìn) đồng, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 4/2022 cho đến khi cháu I đủ 18 tuổi.

Anh Võ Quốc T có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con mà không ai được quyền cản trở.

Con chung tên Võ Duy T, sinh ngày 03/9/2002 và Võ Quốc N, sinh ngày 19/3/2004 đã trưởng thành, chị H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

1.3. Về chia tài sản khi ly hôn: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

1.4. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Đặng Thị Ngọc H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) mà chị H đã nộp theo Biên lai H tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007209 ngày 11/02/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Anh Võ Quốc T phải nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con.

3. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa Hận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Các đương sự được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Cao Lãnh;
- CC THADS huyện Cao Lãnh;
- TAND tỉnh ĐT;
- UBND xã M;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Đô

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Thị Điệp – Trần Văn Bé Hai

Trần Văn Đô